

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 4 - 2024
V/v: “Ly hôn và tranh chấp
nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Út;
- Ông Trương Thành Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2024việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 2000; Địa chỉ: B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An(Có đơn xin vắng mặt).
- Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1999; Địa chỉ: B, ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn, bà Trần Thị Mỹ D, có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ngày 12/3/2024 đã trình bày như sau:

Sau thời gian tìm hiểu, bà và ông Nguyễn Thanh H1 hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số

16/2023, ngày 01/3/2023. Sau khi kết hôn, vợ chung sống chung tại bên nhà bà D1ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ sau khi bà sinh con được 03 tháng thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông H2quan điểm sống, tính cách không hợp nhau trong sinh hoạt nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến ông H2 nói xúc phạm đến bà. Đồng thời, ông H4quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình. Bà và ông H5nhiều lần tìm hướng giải quyết mâu thuẫn nhưng đều không có kết quả. Do vậy cả hai đã sống ly thân từ ngày 07/9/2023 cho đến nay.

Nay xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Phương M, hiện cháu M1với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông H6dưỡng.

Về tài sản chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung.

2. Bị đơn, ông Nguyễn Thanh H3 không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị M1 D2ly hôn ông Nguyễn Thanh H, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông H8trú tại xã L, huyện C, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 12/3/2024, bà D3đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã không tổ chức tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải lần 1, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H7không có lý do, đồng thời nguyên đơn cũng làm đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M1 D4Nguyễn Thanh H9hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16/2023, ngày 01/3/2023 là hôn nhân hợp pháp. Bà D2được ly hôn với ông H10rằng vợ chồng không đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, đồng thời ông H4quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình. Cả hai đã sống ly thân không còn ai quan tâm nói chuyện đến nhau từ ngày 07/9/2023 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự các thông báo về việc thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử cho ông H11H12có ý kiến gì và vắng mặt không lý do. Điều này chứng minh ông H12quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà D5H13cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà D4H3con chung tên Nguyễn Trần Phương M, hiện cháu M1với bà DBà Dyêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông H4 quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc mẹ có thỏa thuận khác, phù hợp với lợi ích của con”*. Do cháu M2tháng tuổi, ông H12có ý kiến gì và bà D6ứng được các điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu M2 tục nuôi dưỡng. Do bà D không yêu cầu ông H5 dnuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mỹ D xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Trần Thị M1 D7định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị M1 D8án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271; 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56; 57, 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M1 D9 yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh H6

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị M1 D10 với ông Nguyễn T H14

2. Về con chung: Bà Trần Thị M1 D11 con Nguyễn Trần P M4 sinh ngày 20/4/2023, ông Nguyễn Thanh H7 cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ D1 (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 9974, ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Bà D đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- CC THA DS huyện Cần Đức;
- UBND xã Tân Lâm, huyện Cần Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Dũng